

UBND TỈNH BẮC NINH  
BTC HỘI THI SÁNG TẠO  
KỸ THUẬT TỈNH LẦN THỨ 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ- BTCHT

Bắc Ninh, ngày tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Tiêu chí đánh giá giải pháp sáng tạo kỹ thuật tham dự  
Hội thi Sáng tạo kỹ thuật lần thứ 2, năm 2026 - 2027

**BAN TỔ CHỨC HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT  
TỈNH LẦN THỨ 2**

Căn cứ Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 25/02/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Ninh lần thứ 2, năm 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc thành lập Ban tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Ninh lần thứ 2, năm 2026 - 2027;

Sau khi thống nhất ý kiến các thành viên Ban Tổ chức Hội thi tại phiên họp thứ nhất ngày 20/4/2026;

Theo đề nghị của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tại Tờ trình số 256/TTr-LHH ngày 04/6/2026,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí đánh giá giải pháp sáng tạo kỹ thuật tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Ninh lần thứ 2, năm 2026 - 2027.

**Điều 2:** Hội đồng Giám khảo, Ban Giám khảo chung khảo, sơ khảo Hội thi căn cứ Tiêu chí để đánh giá, chấm điểm, xếp loại các giải pháp sáng tạo kỹ thuật tham gia Hội thi.

**Điều 3.** Các thành viên Ban tổ chức, Hội đồng Giám khảo, Ban giám khảo chung khảo, sơ khảo Hội thi, các tổ chức, cá nhân tham dự Hội thi căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, cơ quan, ban ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, THĐT, KTTH, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. BAN TỔ CHỨC  
TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH TT UBND TỈNH  
Mai Sơn**

## TIÊU CHÍ

### Đánh giá giải pháp tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật lần thứ 2, năm 2026 - 2027

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTCHT ngày /5/2026  
của Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ 2)*

## I. MÔ TẢ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ GIẢI PHÁP DỰ THI

### 1. Tính mới, tính sáng tạo so với giải pháp sáng tạo kỹ thuật tương tự đã có

+ Tính mới: Giải pháp sáng tạo kỹ thuật (*sau đây gọi tắt là giải pháp*) lần đầu tiên thực hiện trong tỉnh (*không trùng với giải pháp đã công bố trong bất kỳ nguồn thông tin nào hoặc đã được áp dụng ở trong tỉnh trước ngày nhận hồ sơ*), được nghiên cứu, ứng dụng đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao trên địa bàn tỉnh.

+ Tính sáng tạo: Giải pháp đã được mô tả, công bố trong các nguồn thông tin hoặc giải pháp đã có ở tỉnh nhưng lần đầu tiên được áp dụng, chế tạo hoặc có cải tiến so với giải pháp hiện có.

### 2. Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và hiệu quả xã hội vượt trội

Giải pháp mang lại lợi ích kinh tế - xã hội cao hơn so với giải pháp tương tự đã được thực hiện ở Bắc Ninh, quá trình áp dụng không tác động xấu đến môi trường tự nhiên và xã hội. Lợi ích có thể tính được thành tiền hoặc không tính thành tiền:

- Lợi ích được tính thành tiền là tiền làm lợi do áp dụng giải pháp, giá trị lợi ích được xác định thông qua tổng số tiền tiết kiệm được do áp dụng giải pháp như: giảm chi phí nhân lực, quản lý, tiền vốn, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, khấu hao tài sản cố định; tăng năng suất lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tăng doanh thu... và được chứng minh bằng hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng sản xuất thử, hợp đồng bán hàng hoặc hóa đơn bán hàng.

- Lợi ích không tính được thành tiền là lợi ích liên quan đến giáo dục, sức khỏe, môi trường và đời sống con người như: cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập, khám chữa bệnh, cải thiện điều kiện sống, điều kiện lao động, tạo thêm ngành nghề mới (*giảm tiếng ồn, độ độc hại, nâng cao an toàn lao động, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, tăng khả năng quốc phòng an ninh và trật tự xã hội, tạo thêm việc làm cho người lao động...*). Giá trị lợi ích được xác định thông qua các chỉ tiêu như: hiệu quả kỹ thuật, khối lượng và phạm vi áp dụng giải pháp, mức độ phức tạp của giải pháp, giá trị khoa học kỹ thuật, số người đã được hưởng lợi, ...

### 3. Khả năng áp dụng rộng rãi trong điều kiện của tỉnh

Giải pháp đã được thử nghiệm, sản xuất thử, hoặc được chứng minh khả năng áp dụng có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

## II. THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÁC GIẢI PHÁP DỰ THI THEO TỪNG TIÊU CHÍ

| STT | Nội dung tiêu chí   | Điểm tối đa |
|-----|---|-------------|
| 1   | <b>Tính mới, tính sáng tạo:</b> được xác định theo một trong hai trường hợp sau:  | 25          |
|     | - Nếu giải pháp chưa bộc lộ ở Bắc Ninh dưới hình thức sử dụng hoặc mô tả trong các nguồn thông tin kỹ thuật đã phổ biến.  | 25          |
|     | - Nếu các giải pháp đã mô tả trong các nguồn thông tin có ở trong tỉnh hoặc sản phẩm đã có ở Bắc Ninh nhưng lần đầu tiên được áp dụng, chế tạo hoặc có cải tiến so với giải pháp hiện có. | 15          |
| 2   | <b>Hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, xã hội:</b> được quy định cụ thể cho từng lĩnh vực như sau:  | 50          |
|     | <b>* Các lĩnh vực: (1) Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông; (2) Cơ khí, tự động hoá, xây dựng, giao thông vận tải; (3) Vật liệu, hoá chất, năng lượng</b>                            |             |
|     | - <b>Hiệu quả kinh tế:</b> được xác định theo một trong hai trường hợp sau:   | 15          |
|     | + Có minh chứng so sánh các chỉ tiêu tiết kiệm được, được tính toán cụ thể trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng giải pháp kỹ thuật dự thi với giải pháp đã biết.                       | 15          |
|     | + Có minh chứng và phân tích, đánh giá những lợi ích có thể đạt được khi áp dụng giải pháp vào thực tiễn sản xuất và đời sống.  | 10          |
|     | - <b>Hiệu quả kỹ thuật:</b> Được thể hiện bằng những chi tiết kỹ thuật mới tiên bộ hơn của giải pháp dự thi so với giải pháp đã biết.   | 25          |
|     | - <b>Hiệu quả xã hội:</b> Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện sống, bảo vệ sức khoẻ, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, cải tạo và bảo vệ môi trường.                 | 10          |
|     | <b>* Lĩnh vực Nông, lâm, ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường</b>   |             |
|     | - <b>Hiệu quả kinh tế:</b> được xác định theo một trong hai trường hợp sau:   | 25          |
|     | + Có minh chứng so sánh các chỉ tiêu tiết kiệm được, được tính toán cụ thể trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng giải pháp dự thi với giải pháp đã biết.                                | 25          |
|     | + Có minh chứng và phân tích, đánh giá những lợi ích có thể đạt được khi áp dụng giải pháp vào thực tiễn sản xuất và đời sống.  | 15          |
|     | - <b>Hiệu quả kỹ thuật:</b> Được thể hiện bằng những chi tiết kỹ thuật mới tiên bộ hơn của giải pháp dự thi so với giải pháp đã biết.   | 15          |

|          |  |           |
|----------|--|-----------|
|          | - <i>Hiệu quả xã hội</i> : Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện sống, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, cải tạo và bảo vệ môi trường.           | <b>10</b> |
|          | <b>* Lĩnh vực Y dược</b>   |           |
|          | - <i>Hiệu quả kinh tế</i> : Có minh chứng so sánh các chỉ tiêu tiết kiệm được, được tính toán cụ thể trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng giải pháp dự thi với giải pháp đã biết. | <b>15</b> |
|          | - <i>Hiệu quả kỹ thuật</i> : Được thể hiện bằng những chi tiết kỹ thuật mới tiên bộ hơn của giải pháp dự thi so với giải pháp đã biết.   | <b>25</b> |
|          | - <i>Hiệu quả xã hội</i> : Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện sống, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh nhân.  | <b>10</b> |
|          | <b>* Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo</b>  |           |
|          | - <i>Hiệu quả kinh tế</i> : được xác định theo một trong hai trường hợp sau:   | <b>15</b> |
|          | + Có minh chứng so sánh các chỉ tiêu tiết kiệm được, được tính toán cụ thể trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng giải pháp dự thi với giải pháp đã biết.                           | <i>15</i> |
|          | + Có minh chứng và phân tích, đánh giá những lợi ích có thể đạt được khi áp dụng giải pháp vào thực tiễn.  | <i>10</i> |
|          | - <i>Hiệu quả kỹ thuật</i> : Được thể hiện bằng những chi tiết kỹ thuật mới tiên bộ hơn của giải pháp dự thi so với giải pháp đã biết.   | <b>10</b> |
|          | - <i>Hiệu quả xã hội</i> : Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện học tập, giảng dạy, quản lý góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.                                 | <b>25</b> |
| <b>3</b> | <b>Khả năng áp dụng</b> : được xác định theo một trong ba trường hợp sau:  | <b>25</b> |
|          | - Giải pháp đã được áp dụng rộng rãi ra ngoài đơn vị tạo ra giải pháp ban đầu.   | <i>25</i> |
|          | - Giải pháp đã được áp dụng trong thực tế ở một đơn vị hoặc đã sản xuất thử nghiệm nhưng có khả năng áp dụng rộng rãi.   | <i>15</i> |
|          | - Giải pháp chưa được áp dụng nhưng qua phân tích, đánh giá có khả năng áp dụng trong thực tế.   | <i>10</i> |

### III. KHUNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ, XẾP GIẢI

Tổng điểm tối đa cho một giải pháp là 100 điểm, điểm ứng với giải thưởng như sau:

- 1. Giải nhất:** Giải pháp đạt từ 90 đến 100 điểm.
- 2. Giải nhì:** Giải pháp đạt từ 80 điểm trở lên.
- 3. Giải ba:** Giải pháp đạt từ 70 điểm trở lên.

**4. Giải khuyến khích:** Giải pháp đạt từ 60 điểm trở lên.

#### **IV. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM**

**1.** Mỗi tiêu chí tính điểm bằng cách xác định tỷ lệ đạt được của giải pháp so với yêu cầu rồi cho điểm theo tỷ lệ đạt được của giải pháp với điểm tối đa.

Trường hợp có nhiều giải pháp đủ điểm đạt cùng hạng giải, thì chọn những giải pháp có điểm từ cao xuống thấp, còn lại chuyển xuống mức giải thấp hơn, nhưng không vượt quá cơ cấu giải thưởng quy định trong Thể lệ.

Trường hợp có nhiều giải pháp có cùng số điểm đạt giải vượt quá cơ cấu quy định cho mỗi loại giải thì chọn những giải pháp theo thứ tự ưu tiên (1) có điểm trọng số cao hơn; (2) có điểm khả năng ứng dụng cao hơn; (3) có tổng điểm hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, xã hội cao hơn.

**2.** Điểm chênh lệch giữa các thành viên giám khảo đánh giá cho 01 giải pháp không được quá 10 điểm. Trường hợp nếu trong ban giám khảo có các thành viên giám khảo chấm chênh lệch nhau trên 10 điểm, Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban giám khảo yêu cầu các thành viên đó phải thảo luận, phân tích, đánh giá lại. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, thì Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban giám khảo sẽ quyết định./.

---